

## BÀI 2: ONG XÂY TỔ (tiết 5 – 10, SHS, tr.45 – 49)

### I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về nơi ở của các con vật em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nhờ đoàn kết, làm việc có kỉ luật, ong xây được tổ vững chắc; biết liên hệ bản thân: Yêu quý mọi vẻ đẹp của tự nhiên; biết đoàn kết, gắn bó, giữ gìn kỉ luật.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ua/uơ; r/d/gi, ên/ênh.*
4. Mở rộng được vốn từ về thiên nhiên (từ ngữ chỉ tên các mùa, các tháng của từng mùa); đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào?*
5. Biết nói và đáp lời đồng ý, lời không đồng ý.
6. Nhận diện được kiểu bài thuật việc đã tham gia.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về thiên nhiên.
8. Thực hiện được trò chơi *Nhà thơ nhí*; nói 1 – 2 câu về một loài vật được nhắc đến trong bài thơ.

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số loài ong, ong mật xây tổ (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Còn những bác ong thợ già* đến hết.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp truyện về thiên nhiên đã tìm đọc.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1, 2

##### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nơi ở của các con vật em biết.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Ong xây tổ*.

##### B. Khám phá và luyện tập

###### 1. Đọc

###### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chuồn, sấp, xộp, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

### 1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sáp* (chất mềm không thấm nước, được một số sâu bọ tạo ra để xây tổ), *hồ* (chất dính được làm từ bột và nước khuấy chín, dùng để dán), *xốp* (không chắc, nhẹ, có nhiều lỗ hồng bên trong),...

– HS nghe GV giải thích thêm:

+ Ong trong bài đọc là ong mật – loài ong thường làm tổ ở các hốc cây, hốc đá; có thể bắt về nuôi để lấy mật.

+ Ong thợ: những con ong cái mà bộ phận sinh dục bị thoái hoá, không có khả năng thụ tinh. Ong thợ thực hiện tất cả công việc của đàn ong: bảo vệ tổ, sản sinh sữa chúa để nuôi ấu trùng, hút mật hoa luyện thành mật ong.

– HS luyện đọc một số câu dài: *Rồi tìm chú ong thợ trẻ/ lần lượt rời khỏi hàng/ lấy giọt sáp dưới bụng/ trộn với nước bọt/ tạo thành một chất đặc biệt/ để xây tổ.//; Còn những bác ong thợ già,/ những anh ong non thì dùng sức nóng của mình/ sưởi ấm cho những giọt sáp/ đã nhào nước bọt của ong thợ trẻ.//; ...*

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Nhờ đoàn kết, làm việc có kỉ luật, ong xây được tổ vững chắc.*

– HS biết liên hệ bản thân: *Yêu quý mọi vẻ đẹp của tự nhiên; biết đoàn kết, gắn bó, giữ gìn kỉ luật.*

### 1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Còn những bác ong thợ già* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Còn những bác ong thợ già* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chui, lần lượt, sáp, ...*; hoặc do ngữ nghĩa: *giọt*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

## 2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ua/uơ; r/d/gi, ên/ênh

### 2.2.1. Phân biệt ua/uơ

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đánh vần: u-a-ua; u-ơ-uơ (*Lưu ý*: Đây là cặp vần khó, HS thường nhầm lẫn, GV nên cho HS thực hiện hoạt động đánh vần).
- HS đọc những từ ngữ có trong các tổ ong và chọn tổ ong có từ ngữ viết đúng (Đáp án: *xua tay, hươu vồi, khua nước, muôn thuở*; từ ngữ viết sai: *tuở ra* – chữa lại: *túa ra*). GV có thể giải thích thêm “tuở” không có nghĩa; còn “túa”: kéo nhau ra nơi nào đó cùng một lúc rất đông, không có trật tự (thường dùng trong khẩu ngữ), VD: bay *túa ra*, chạy *túa ra*. Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý thêm: như những ngôn ngữ khác, tiếng Việt có những trường hợp đọc được nhưng không có nghĩa, VD: ã, hĩ, hẹm,... Trong dạy học tiếng, những trường hợp này thường được chú ý khai thác để kiểm tra khả năng giải mã âm – chữ – nghĩa của HS.
- HS giải nghĩa một số từ ngữ và đặt câu (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 2.2.2. Phân biệt r/d/gi, ên/ênh

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS lựa chọn BT *r/d/gi* hoặc *ên/ênh*, thực hiện BT vào VBT.
- HS chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để kể tên các tháng và xếp các tháng theo mùa. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 4. Luyện câu

#### 4.1. Tìm từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào?

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc đoạn văn.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi để tìm từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* trong từng câu.
- HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

#### 4.2. Chọn từ ngữ phù hợp để thay thế ☼

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận, chọn từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* thay cho ☼ trong nhóm đôi.
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại câu văn sau khi đã điền từ ngữ, so sánh với câu ban đầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 5. Nói và nghe

#### 5.1. Nói và đáp lời đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS quan sát tranh và đọc lời của các nhân vật trong tranh.
- HS đóng vai để nói và đáp lời đồng ý phù hợp với tình huống.
- Một số nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 5.2. Nói và đáp lời không đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.
- HS phân vai anh trai, bạn của em và em để nói và đáp lời không đồng ý phù hợp với mỗi tình huống.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
  - + *Ta thường đáp lời không đồng ý khi nào?*
  - + *Khi không đồng ý, em cần đáp với thái độ thế nào? Vì sao?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### TIẾT 5, 6

### 6. Thuật việc được tham gia

#### 6.1. Nói về việc làm của mỗi người trong tranh

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS quan sát và nói về việc làm của mỗi người trong tranh theo nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 6.2. Viết về việc dọn dẹp nhà cửa để đón Tết của gia đình em

- HS xác định yêu cầu của BT 6b và đọc các câu hỏi gợi ý.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để trả lời theo các câu hỏi gợi ý.
- HS viết nội dung đã nói vào VBT.

- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## **C. Vận dụng**

### **1. Đọc mở rộng**

#### ***1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về thiên nhiên***

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện, tác giả, nhân vật (hoạt động, đặc điểm), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### ***1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)***

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, tác giả, nhân vật (hoạt động, đặc điểm), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### **2. Chơi trò chơi Nhà thơ nhí**

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS thi đọc các bài thơ về loài vật.
- HS nói 1 – 2 câu về con vật có trong bài thơ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.